

BÁO CÁO

**Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng,
xuất nhập khẩu và các khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 8126/BTC-NSNN ngày 01/8/2023 của Bộ Tài chính về việc triển khai Quyết định số 853/QĐ-TTg ngày 17/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, xuất nhập khẩu và các khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG,
XUẤT NHẬP KHẨU**

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh

Tình hình thế giới những tháng đầu năm 2023 gặp nhiều khó khăn, thách thức, xung đột Nga - Ukraine kéo dài; lạm phát thế giới tăng cao, diễn biến phức tạp, bất ổn, đơn hàng xuất khẩu sụt giảm, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, lãi suất vay có giảm nhưng vẫn đang ở mức cao, tác động tiêu cực đến cả nước nói chung, tỉnh Bình Định nói riêng; làm ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; doanh nghiệp thường thiếu vốn để sản xuất nhưng không đủ chuẩn để tiếp cận tín dụng; các doanh nghiệp phải hoạt động cầm chừng, không phát huy hết công suất nhà máy... Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 tăng 0,17% so với tháng 7 và tăng 6,89% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 0,92% so với cùng kỳ.

Về đầu tư nước ngoài (FDI): Từ đầu năm đến nay tỉnh thu hút 02 dự án FDI đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đầu tư là 114.816 USD; điều chỉnh 04 dự án với tổng vốn điều chỉnh tăng là 26,28 triệu USD, thu hồi 1 dự án với tổng vốn đầu tư 102 tỷ đồng (4.396.551 USD). Tính đến nay, toàn tỉnh có 87 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 1,13 tỷ USD.

Về đầu tư trong nước: Toàn tỉnh thu hút mới 60 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 13.377 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch cả năm 2023 của toàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện điều chỉnh 58 dự án với vốn tăng thêm 3.770,5 tỷ đồng.

Về phát triển doanh nghiệp: Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 753 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 6.902 tỷ đồng (So với cùng kỳ năm trước, giảm 14,2% về số doanh nghiệp đăng ký và giảm 12,6% về vốn đăng ký).

2. Tình hình đầu tư xây dựng, tập trung vào các dự án trọng điểm có sức lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng

2.1. Về thực hiện các dự án đầu tư lĩnh vực nhà ở, phát triển đô thị và thị trường bất động sản

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã lựa chọn nhà đầu tư, đã và đang triển khai 88 dự án với tổng diện tích đất 1.582,64ha, khoảng 39.863.245m² sàn, khoảng 101.631 căn hộ/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 125.780 tỷ đồng. Trong đó: Nhà ở xã hội là 20 dự án, với tổng diện tích đất 33,24ha, khoảng 734.576m² sàn, khoảng 11.880 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 11.224 tỷ đồng; nhà ở thương mại là 68 dự án với tổng diện tích đất 1.549,4ha, khoảng 39.128.669m² sàn, khoảng 89.751 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 114.556 tỷ đồng.

Hiện tại, đã hoàn thành đưa vào sử dụng (toàn bộ và một phần dự án) 27 dự án với tổng diện tích đất 323,98ha, khoảng 950.682m² sàn, khoảng 7.221 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 22.389,14 tỷ đồng, cụ thể:

- Nhà ở xã hội 08 dự án (06 dự án và một phần của 02 dự án), với tổng diện tích đất 10,51ha, khoảng 184.691m² sàn, khoảng 2.806 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 3.619,53 tỷ đồng.

- Nhà ở chung cư, nhà ở thương mại 05 dự án, với tổng diện tích đất 3,11ha, khoảng 254.874m² sàn, khoảng 2.362 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 3.772,61 tỷ đồng.

- Khu đô thị, khu dân cư 14 dự án (một phần dự án), với tổng diện tích đất 310,36ha, khoảng 511.117m² sàn, khoảng 2.053 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 14.997 tỷ đồng.

2.2. Tình hình thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa phận tỉnh Bình Định

- **Công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường GPMB:** Đã phê duyệt phương án bồi thường, GPMB với 685 đợt, số tiền 4.412,2 tỷ đồng; trong đó, tuyến chính được 11.615 hộ, diện tích 955,03/958,88 ha tuyến chính, đạt 99,6%.

- **Bàn giao mặt bằng, chiều dài tuyến chính:** Đã bàn giao cho Chủ đầu tư diện tích 910,61/958,88 ha, đạt 95%, chiều dài 112,17/117,38km, đạt 95,6%.

- Công tác tái định cư

- + Thực hiện đầu tư xây dựng 39 khu tái định cư, diện tích 69,095ha/1.767 lô đất, tổng mức đầu tư 743,1 tỷ đồng. Hiện nay, đang triển khai thi công xây dựng khối lượng đạt trên 80% (có 08 khu đã hoàn thành thành 100%).

- + Bố trí tái định cư cho 908 hộ, với 1.042 lô đất tái định cư. Hiện nay, đã xét giao đất tái định cư và giao đất tái định cư ngoài thực địa cho các hộ dân xây dựng nhà, như sau: Kết quả giao đất tái định cư: Đã bốc thăm và xét giao đất tái định cư được 797/908 hộ phải bố trí tái định cư, đạt 87,8%. Kết quả giao đất tái định cư thực địa: Đã giao được 696/908 hộ phải bố trí tái định cư, đạt 76,7%.

3. Tình hình xuất nhập khẩu

3.1. Về xuất khẩu

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới tiếp tục ảnh hưởng đến các hoạt động xuất, nhập khẩu của tỉnh. Đơn hàng của hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh sụt giảm, thị trường xuất khẩu một số ngành hàng bị thu hẹp, nhiều doanh nghiệp chưa tìm được các đơn hàng mới, nhu cầu tiêu dùng xuống thấp, dẫn tới giá trị đơn hàng giảm. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 8/2023 ước đạt 125,1 triệu USD, giảm 13,8% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 980,2 triệu USD, giảm 12,8% so với cùng kỳ. Các nhóm hàng tăng so với cùng kỳ: Gạo tăng 30,3%; sản và sản phẩm từ sản tăng 33,3%; hàng dệt may tăng 23%. Trong khi đó xuất khẩu gỗ giảm 11,8%; sản phẩm gỗ giảm 29,5%... so với cùng kỳ

3.2. Nhập khẩu

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 8 ước đạt 31,1 triệu USD, giảm 28,9% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 281,1 triệu USD, giảm 11,2% so với cùng kỳ. Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên, phụ liệu và máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu.

4. Về thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước 8 tháng năm 2023 là 7.181,5 tỷ đồng, đạt 52,6% dự toán năm, giảm 33,4% so với cùng kỳ; trong đó, thu nội địa (trừ tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại) là 4.190,5 tỷ đồng, đạt 60,5% dự toán năm và giảm 7,9% so với cùng kỳ. Riêng thu tiền sử dụng đất là 2.426,6 tỷ đồng, đạt 44,8% dự toán năm, giảm 45,3% so với cùng kỳ; thu hoạt động xuất nhập khẩu là 295,5 tỷ đồng, đạt 29,5% dự toán năm, giảm 57,1% so với cùng kỳ. Chi ngân sách nhà nước là 11,219,5 tỷ đồng, đạt 50,9% dự toán năm, tăng 5,4% so với cùng kỳ; trong đó chi thường xuyên 5.531,4 tỷ đồng, đạt 63,9% dự toán năm; tăng 6,3% so với cùng kỳ.

5. Về đầu tư công

Trong tháng 8 đã hoàn thành việc xây dựng, báo cáo Trung ương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công năm 2024. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của tỉnh; đẩy mạnh việc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đã giao. UBND tỉnh đã thành lập các tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2023.

Giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến 31/8/2023 là 5.159,3 tỷ đồng. So với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (7.630,637 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân đạt 67,61%; so với Kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao (9.634,164 tỷ đồng), tỷ lệ giải ngân đạt 53,55% kế hoạch vốn. Trong đó giá trị giải ngân một số nguồn vốn như sau: Vốn ngân sách địa phương đạt 49,56%; Vốn trung ương hỗ trợ mục tiêu đạt 75,13%; Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đạt 39,52%; Vốn

Chương trình Mục tiêu quốc gia đạt 35,34%; Vốn hỗ trợ khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai đạt 98,26%; Vốn nước ngoài (ODA) đạt 64,91% kế hoạch năm.

6. Tình hình khác có liên quan

6.1. Tình hình sử dụng lao động nước ngoài tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh được các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp triển khai tích cực, hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng nội dung lẫn hình thức tuyên truyền. Từ đó, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài của các tổ chức, doanh nghiệp. Định kỳ các đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản liên quan tình hình người nước ngoài làm việc tại đơn vị báo cáo gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực) tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý lao động nước ngoài đang làm việc tại địa phương cũng được quan tâm thực hiện thường xuyên, nhưng chủ yếu là kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các nhà thầu chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam.

6.2. Về chính sách tín dụng

Về cho vay theo các chương trình an sinh xã hội: Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đến 31/8/2023 ước đạt 6.049 tỷ đồng, tăng 9,2% so với 31/12/2022 và tăng 14,4% so với cùng kỳ. Trong đó: cho vay hộ nghèo chiếm 12,9%; cho vay hộ cận nghèo chiếm 17,6%; cho vay hộ mới thoát nghèo chiếm 8,9%; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường chiếm 13,1%, cho vay giải quyết việc làm chiếm 10,3%... trên tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách.

Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững:

NHNN chi nhánh tỉnh đã chỉ đạo các chi nhánh NHTM trên địa bàn triển khai Chương trình tín dụng cho vay 120.000 tỷ đồng theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam. Đến thời điểm 31/8/2023 các TCTD trên địa bàn đang tiếp cận các Doanh nghiệp là Chủ đầu tư của các dự án trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Dự án Nhà ở xã hội thuộc quy hoạch Khu thiết chế công đoàn tỉnh Bình Định: Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bình Định phối hợp với Vietcombank Hội sở chính tiếp cận và thẩm định cho vay, chủ đầu tư dự án là Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Cơ điện IEC, tổng mức đầu tư dự án dự kiến là 1.128 tỷ đồng, số tiền dự kiến vay là 789 tỷ đồng.

+ Dự án Khu chung cư NOXH tại Khu C thuộc Khu đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn: Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bình Định đang tiến hành thẩm định cho vay, chủ đầu tư dự án là Công ty TNHH

Phú Hiệp, tổng mức đầu tư dự án dự kiến là 364 tỷ đồng, số tiền dự kiến vay là 73 tỷ đồng.

+ Dự án Khu chung cư Trần Bình Trọng số 145A đường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn: Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Quy Nhơn đã ký kết Hợp đồng cho vay số 389/2023/HĐTD ngày 15/02/2023 với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ - Quy Nhơn (Chủ đầu tư dự án), trong đó: Số tiền cho vay dự án đầu tư là 300 tỷ đồng nhưng không vượt quá 30% tổng mức đầu tư dự án (chưa gồm VAT, tổng mức đầu tư đã bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng).

II. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng

- Việc dành quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sẽ phù hợp với một số tỉnh, thành có nhu cầu nhà ở xã hội lớn, nhưng sẽ không phù hợp với một số tỉnh, thành có nhu cầu về nhà ở xã hội không nhiều dẫn đến khủng hoảng thừa quỹ đất, hiệu quả sử dụng đất ở tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị không phát huy hết.

- Quy định UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm tại khoản 2 Điều 15 Luật Nhà ở năm 2014 là chưa phù hợp với thực tế (*Vì thời gian 01 năm không thể hoàn thành việc lập thủ tục đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng, giao đất, xây dựng hoàn thành 1 sản phẩm nhà ở*).

- Tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định “*Đối với dự án nhà ở xã hội chỉ để cho thuê thì chủ đầu tư chỉ được bán sau thời gian tối thiểu là 10 năm kể từ khi hoàn thành bàn giao để cho thuê và chỉ được bán cho các đối tượng quy định tại Điều 49 của Luật Nhà ở, với giá bán tối đa bằng giá bán nhà ở xã hội cùng loại tại cùng địa điểm*”, việc quy định chỉ được bán sau thời gian tối thiểu 10 năm kể từ khi hoàn thành bàn giao là không hợp lý, vì tại một số địa phương người dân không có nhu cầu thuê (chỉ có nhu cầu mua), việc quy định này sẽ gây thiệt hại kinh tế cho các chủ đầu tư dự án (chôn vốn, nhà để trống sẽ mau xuống cấp).

- Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, đã bãi bỏ cơ chế hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trên diện tích đất được xác định để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định để cho thuê, cho thuê mua đối với việc dành 20% tổng diện tích đất ở để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại (quy định điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ). Ngoài ra, tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ đã bãi bỏ cơ chế ưu đãi chủ đầu tư dự án được miễn, giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu

nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 của Luật Nhà ở và pháp luật về thuế có liên quan (quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP). Việc bãi bỏ các cơ chế hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội nêu trên (bỏ quy định chủ đầu tư được dành 20% tổng diện tích đất ở để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại nhằm bù đắp chi phí đầu tư, góp phần giảm giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội và giảm kinh phí dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội sau khi đầu tư) đã góp phần tăng giá bán, cho thuê, cho thuê mua và tăng kinh phí dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội sau khi đầu tư. Dẫn đến đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội, nhất là hộ nghèo, cận nghèo, người có thu nhập thấp, công nhân khó tiếp cận sở hữu được nhà ở để an cư, an tâm làm việc; đồng thời hạn chế khuyến khích và không hấp dẫn các doanh nghiệp tham gia vào phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 51 Luật Nhà ở năm 2014 quy định điều kiện được hưởng chính sách nhà ở xã hội là *“Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, học tập hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người trong hộ gia đình thấp hơn mức diện tích nhà ở tối thiểu do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ và từng khu vực”*, không quy định **chưa có đất ở**. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định *“Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định này) về Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án để kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần hoặc đã có nhà ở, đất ở; đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở; có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan thuế tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng để kiểm tra thông tin theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về kết quả xác minh”*, quy định thêm đã có **đất ở**. Vậy giữa Luật Nhà ở và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ không thống nhất với nhau.

- Tại điểm c khoản 1 Điều 51 Luật nhà ở 2014 quy định điều kiện về thu nhập được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, cụ thể: *“Đối với đối tượng quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật này thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 8, 9 và 10 Điều 49 của Luật này thì không yêu cầu phải đáp ứng điều kiện về thu nhập theo quy định tại điểm này.”*. Tại Điều 22 Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, trong đó tại điểm a khoản 5 quy định *“a) Các đối tượng quy định tại khoản 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật Nhà ở phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị mà người đó đang làm việc về mức thu nhập thuộc diện*

không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;”. Trong khi tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định “*Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định này) về Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án để kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần hoặc đã có nhà ở, đất ở; đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở; có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương*”. Như vậy, cụm từ quy định về điều kiện thu nhập để hưởng chính sách nhà ở xã hội giữa Luật Nhà ở và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, trong các điều khoản trước sau của Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ không thống nhất với nhau; đồng thời chưa có quy định rõ việc xác định về “*thu nhập thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân*” dẫn đến khó thực hiện.

- Quy trình và hồ sơ vay vốn của bên cung cấp tín dụng yêu cầu qua nhiều bước trung gian và cung cấp thông tin quá chi tiết dẫn đến chồng chéo, mất khá nhiều thời gian gây khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay. Cụ thể là đối với gói tín dụng 120.000 tỷ đồng để hỗ trợ các dự án nhà ở xã hội vì ngoài tài sản đảm bảo từ việc thế chấp dự án thì các Ngân hàng thương mại yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo khác. Việc này gây khó khăn cho doanh nghiệp do chủ dự án đã phải đối ứng 20% trên tổng mức đầu tư của dự án.

- Theo quy định hiện nay, khi vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) ngoài việc phải chuẩn bị 01 bộ hồ sơ như bộ hồ sơ đăng ký mua nhà (gồm rất nhiều giấy tờ và văn bản cần xin xác nhận), người vay vốn còn phải thực hiện thủ tục qua rất nhiều khâu xét duyệt từ Tổ tiết kiệm đến UBND cấp xã/phường và Chi nhánh NHCSXH tại địa phương. Điều này gây khó khăn và mất nhiều thời gian cho người vay vốn, dẫn đến việc giải ngân chậm theo tiến độ hợp đồng mua nhà đã ký với chủ đầu tư.

1.2. Đối với Dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2021 – 2025, qua địa phận tỉnh Bình Định

Tính đến tháng 8/2023, trên địa bàn tỉnh Bình Định diện tích các đơn vị đăng ký trồng rừng thay thế năm 2023 là 90ha và đã được UBND tỉnh bố trí trồng rừng thay thế. Trong khi tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng rừng phục vụ Dự án cao tốc hiện nay khoảng 202,87ha, do đó địa phương phải gửi hồ sơ trồng rừng thay thế về Bộ Nông nghiệp và PTNT để bố trí trồng rừng thay thế ở tỉnh khác, nhưng việc bố trí trồng rừng ở các tỉnh khác mất rất nhiều thời gian, không phù hợp với thời gian quy định tại Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT, làm chậm công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác vì chưa hoàn thành công tác trồng rừng thay thế theo quy định.

Chủ đầu tư chậm bàn giao hồ sơ và ranh, mốc giới bãi thải, một số mỏ vật liệu, trạm dừng nghỉ và phạm vi chiếm dụng đất rừng tuyến chính cao tốc phát sinh phải

chuyển mục đích làm chậm việc thực hiện rà soát, tổng hợp của địa phương để trình HĐND tỉnh chuyển mục đích sử dụng rừng. - Hiện nay, Chủ đầu tư đang tiếp tục thực hiện điều chỉnh phạm vi mốc GPMB trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; bàn giao bổ sung cho các địa phương. Do đó, các địa phương phải triển khai thực hiện các bước đo đạc, kiểm đếm, xác nhận nguồn gốc đất đai, công khai, phê duyệt phương án, chi trả...làm kéo dài thời gian thực hiện công tác bồi thường, GPMB.

2. Về chính sách tín dụng

Tình hình khó khăn chung của thị trường là nguyên nhân chính và trực tiếp tác động tiêu cực đến khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế và khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, cụ thể: cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn (Mỹ, Châu Âu...) và trong nước đều suy giảm; các ngành nghề xuất khẩu, du lịch chưa phục hồi hoàn toàn, tình trạng thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu (các ngành gỗ xuất khẩu, thủy sản...), chi phí đầu vào tăng cao, lượng hàng tồn kho lớn nhưng không tìm được đầu ra...ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh dẫn đến khả năng hấp thụ và tiếp cận vốn tín dụng còn hạn chế.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đáp ứng được điều kiện vay vốn tại các TCTD dẫn tới khả năng tiếp cận vốn tín dụng còn hạn chế, một số nguyên nhân chủ yếu như: thiếu phương án kinh doanh khả thi, tình hình tài chính thiếu minh bạch, khả năng quản trị điều hành doanh nghiệp còn yếu...

3. Về thị trường

Thời gian qua, các doanh nghiệp xuất khẩu lớn trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn trong hoạt động xuất khẩu do nhiều quốc gia tiếp tục thắt chặt chỉ tiêu trước tình trạng lạm phát cao, lượng hàng tồn kho tại các thị trường hiện đang rất lớn, dẫn đến các doanh nghiệp phải sản xuất cầm chừng và cắt giảm số lượng lao động. Tình trạng sụt giảm, thậm chí mất hẳn đơn hàng ngành gỗ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tại các thị trường chính như: Mỹ, EU, Anh,... diễn ra rất phổ biến trong ngành gỗ trên địa bàn tỉnh nói riêng và ngành gỗ cả nước nói chung. Trước tình hình giảm cầu tại các thị trường xuất khẩu chính, nhiều khách hàng, nhà nhập khẩu còn gây áp lực giảm giá bán lên các nhà máy sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ. Hiện tại, một số doanh nghiệp chấp nhận sản xuất đón đầu một lượng nhỏ hàng hóa để giữ một bộ phận công nhân, người lao động chờ thị trường phục hồi trong dịp mua sắm cuối năm 2023.

Cũng từ nguyên nhân thiếu đơn hàng ảnh hưởng cả nước nên thu nhập và tâm lý của doanh nghiệp, của người lao động trước áp lực lạm phát trở nên hạn chế chi tiêu, nhu cầu giảm hầu hết ở các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ...

4. Về cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú trên địa bàn còn hạn chế; chưa kết nối dữ liệu giữa các cơ quan đơn vị, địa phương trong tỉnh, dẫn đến công tác trao đổi thông tin trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại địa phương có lúc chưa đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ đề ra.

- Một số cơ quan, doanh nghiệp, người nước ngoài chưa nghiên cứu và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài nên vẫn còn xảy ra các vi phạm, tình trạng lao động không giấy phép, không đúng mục đích nhập cảnh, không đăng ký lưu trú, quá hạn thị thực.

- Việc quản lý lao động nước ngoài sau khi cấp giấy phép còn gặp khó khăn, ở một số doanh nghiệp người sử dụng lao động không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định như sau khi người nước ngoài được cấp giấy phép lao động không gửi bản hợp đồng lao động, khi người lao động nước ngoài không còn làm tại doanh nghiệp hoặc giấy phép lao động hết hạn không báo cáo với cơ quan cấp giấy phép lao động và còn tình trạng tuyển dụng, sử dụng người lao động nước ngoài khi chưa được cấp giấy phép lao động.

- Người sử dụng lao động có nhu cầu tuyển lao động nước ngoài chưa quan tâm tuyên truyền, cung cấp các quy định của pháp luật Việt Nam nên một số người lao động chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ còn chậm muộn.

- Hiện việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài qua mạng điện tử còn vướng trong khâu chấp thuận của UBND tỉnh vì phần mềm quản lý lao động nước ngoài của Cục Việc làm chưa liên thông với cổng điện tử của UBND tỉnh.

- Chưa có quy định về bằng đại học danh dự có được áp dụng đối với trường hợp vị trí công việc chuyên gia.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể cách thức chứng minh giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng của doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và tài liệu minh chứng đối với trường hợp "Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; Là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên".

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản, nhà ở

- Trung ương xem xét có các cơ chế, chính sách thông thoáng, phù hợp và đơn giản hoá các thủ tục nhằm đẩy nhanh việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiếp cận các nguồn vốn vay, hỗ trợ... để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án, cung cấp sản phẩm ra thị trường.

- Chính phủ xem xét có quy định cơ chế hỗ trợ, ưu đãi nhà ở xã hội đảm bảo khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, góp phần giảm giá bán, giá cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội.

- Phân cấp, phân quyền về cho địa phương thực hiện đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 héc ta trở lên vào các mục đích khác theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

- Cần có chính sách chung nhằm đơn giản hóa quy trình vay vốn tín dụng, đồng

thời giảm bớt các bước trung gian và thành phần hồ sơ; Hạn chế các yêu cầu bổ sung từ các ngân hàng liên quan đến việc tăng hạn mức vốn đối ứng đối với các chủ dự án đã thực hiện đối ứng 20% trên tổng vốn đầu tư cho dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không yêu cầu tài sản thế chấp bổ sung ngoài việc thế chấp chính dự án nhà ở xã hội đang được Ngân hàng tài trợ vốn vay.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét việc đơn giản hoá các thủ tục liên quan đến việc cho vay của các Ngân hàng thương mại tham gia Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho chủ đầu tư và người mua nhà của các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ và thủ tục liên quan đến hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/05/2022 của Chính phủ.

2. Về đầu tư xây dựng trong Khu kinh tế Nhơn Hội

2.1. Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ: *“Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, chương trình phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định các khu vực phát triển đô thị theo thẩm quyền được quy định tại Điều 9 của Nghị định này”*; mục a, Khoản 1, Điều 9: *“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định các khu vực phát triển đô thị dưới đây sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Xây dựng về các nội dung được quy định tại Khoản 3 Điều này a) Khu vực phát triển đô thị tại các đô thị có đồ án quy hoạch chung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”*.

Như vậy theo quy định về trách nhiệm lập, phê duyệt hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thì Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Khu kinh tế Nhơn Hội sẽ được Bộ Xây dựng thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế xã hội cũng như thuận lợi trong công tác kêu gọi, thu hút đầu tư, phát triển các dự án đô thị, bất động sản, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ phân cấp về cho địa phương được phê duyệt Hồ sơ đề xuất các khu vực phát triển đô thị phù hợp với Quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2.2. Theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ: *“Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án do Quốc Hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; Dự án nhóm A; Dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên”*. Đồng thời, theo quy định tại Điểm a Khoản 12 Điều 13 Nghị định 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2021 của Chính phủ: *“Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp 2 ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng*

ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư)...”.

Qua rà soát, đa số các dự án du lịch trên địa bàn KKT Nhơn Hội có tổng mức đầu tư 800 tỷ đồng trở lên thuộc **dự án nhóm A** theo quy định tại Phụ lục 01 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. Theo đó, các thủ tục chuẩn bị đầu tư như thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm duyệt thiết kế về PCCC... đối với các dự án này đều do cơ quan chuyên môn ở Trung ương thẩm định. Việc triển khai các thủ tục thẩm định theo quy định hiện tại dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện và tốn kém rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đối với các công trình sử dụng vốn khác, cơ quan quản lý nhà nước nên thực hiện quản lý theo cấp công trình như các quy định trước đây (đối với Trung ương là cấp đặc biệt, cấp I; địa phương là cấp II trở xuống).

Các quy định về phòng cháy chữa cháy hiện hành rất khắt khe, nhiều quy định, tần suất kiểm tra của cơ quan chức năng rất dày dẫn đến doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian và chi phí tuân thủ, đây là áp lực rất lớn trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Do vậy, để tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ dự án, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng quan tâm xem xét nội dung *“phân cấp, ủy quyền, giao cho địa phương tổ chức thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn khác có quy mô từ cấp I trở xuống, không phân biệt tổng mức đầu tư”*. Đồng thời, đề nghị cơ quan chức năng sớm điều chỉnh các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 220/CĐ-TTg ngày 5/4/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy, đồng thời giảm tần suất kiểm tra hoặc công tác kiểm tra cần quy định tần suất phù hợp theo mức độ nguy cơ cháy theo từng ngành nghề

3. Dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2021 – 2025, qua địa phận tỉnh Bình Định

- Theo các Quyết định phê duyệt của Bộ GTVT chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư qua địa bàn tỉnh Bình Định là **4.953 tỷ đồng**. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận hồ sơ cọc mốc, phạm vi GPMB của Ban QLDA2, 85, địa phương kiểm tra, rà soát với tổng kinh phí thực hiện khoảng **5.896 tỷ đồng** (*cao hơn 943 tỷ đồng so với kinh phí đã được Bộ GTVT phê duyệt*). Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho chủ trương để Bộ GTVT xem xét, bổ sung thêm kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư còn thiếu là **943 tỷ đồng**.

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng diện tích đất lúa, đất rừng phục vụ dự án cao tốc **được tính riêng**, không tính vào chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho điều chỉnh, bổ sung diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước hai vụ trở lên để thực hiện Dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam qua địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

+ Đất trồng lúa nước hai vụ trở lên từ 331,49 ha thành 409,58 ha (*tăng 78,09*

ha).

+ Đất rừng phòng hộ từ 32,6 ha thành 37,96 ha (*tăng 5,36 ha*).

+ Đất rừng sản xuất từ 481,34 ha thành 612,82 ha (*tăng 131,48 ha*).

- Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, khi UBND tỉnh chuyển hồ sơ nộp tiền trồng rừng thay thế về Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong thời gian chưa bố trí được quỹ đất trồng rừng thay thế ở tỉnh khác thì Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam ***tạm thu tiền trồng rừng thay thế*** để các chủ dự án nộp tiền và UBND tỉnh có cơ sở quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng. Đồng thời Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các cơ quan chuyên môn sớm nghiên cứu tháo gỡ vướng mắc, có các giải pháp, hướng dẫn rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục trồng rừng thay thế nhằm đẩy nhanh thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng; hướng dẫn các địa phương tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 175/TB-VPCP ngày 11/5/2023 và thực hiện công tác quản lý, sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 94/NĐ-CP của Chính phủ, phù hợp với tình hình thực tế.

- Kính đề nghị Bộ GTVT sớm có ý kiến thống nhất đối với phần diện tích ***đất nông nghiệp còn lại lớn hơn 200m²*** nhưng không đủ điều kiện sản xuất thì được thu hồi và bồi thường hỗ trợ từ nguồn kinh phí của dự án cao tốc (*Theo quy định thì được thu hồi; tuy nhiên, phải có ý kiến thống nhất của Bộ GTVT để làm cơ sở cho các địa phương phê duyệt phương án thu hồi*).

4. Về cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

Đề nghị Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đề nghị quy định rõ bằng đại học danh dự có được áp dụng đối với trường hợp này không?

- Tại quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định: "Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; Là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên" đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể hơn tài liệu chứng minh giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

- Tại quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ đề nghị bổ sung quy định: "Tốt nghiệp đại học tại các trường đại học ở Việt Nam và phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam".

- Tại điểm b Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ đề nghị bổ sung quy định: "Bằng tốt nghiệp đại học đối với trường hợp tốt nghiệp đại học tại Việt Nam".

Trên đây là Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh, các tồn tại, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ thúc đẩy phát triển, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, XD, CT, LĐ, TB&XH, GTVT;
- Ban QL KKT tỉnh;
- CN NHNN tỉnh, CN NHCSXH tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1, K3, K6, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng